

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I CÔNG TY NĂM 2018**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT**



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ngày 31 tháng 03 năm 2018

Mẫu số B01a-DN

Đơn vị tính: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/03/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>353,305,367,091</b>	<b>384,541,090,361</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>46,468,521,008</b>	<b>85,877,561,267</b>
1. Tiền	111		7,928,355,096	5,210,821,319
2. Các khoản tương đương tiền	112		38,540,165,912	80,666,739,948
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>137,690,495,030</b>	<b>147,756,038,579</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	115,443,622,599	123,277,969,198
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	19,580,923,082	21,931,161,850
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	-	-
6. Các khoản phải thu khác	136	5.4	3,848,399,189	3,729,357,371
7. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	137	5.8	(1,182,449,840)	(1,182,449,840)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.5</b>	<b>164,600,372,618</b>	<b>148,083,083,298</b>
1. Hàng tồn kho	141		164,600,372,618	148,083,083,298
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4,545,978,435</b>	<b>2,824,407,217</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	311,815,979	311,815,979
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		909,090,909	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		3,325,071,547	2,512,591,238
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>119,712,860,022</b>	<b>107,912,414,346</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>48,015,810,338</b>	<b>52,073,516,332</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	48,015,810,338	52,073,516,332
- Nguyên giá	222		90,363,448,744	92,540,349,462
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(42,347,638,406)	(40,466,833,130)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>5.7</b>	-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.9</b>	<b>66,880,000,000</b>	<b>51,248,000,000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		66,880,000,000	51,248,000,000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4,817,049,684</b>	<b>4,590,898,014</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	4,817,049,684	4,590,898,014
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>473,018,227,113</b>	<b>492,453,504,707</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Mẫu số B01a-DN

(tiếp theo)

Ngày 31 tháng 03 năm 2018

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/03/2018	01/01/2018
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>235,291,143,424</b>	<b>259,921,366,564</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>230,869,143,424</b>	<b>255,499,366,564</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	65,206,791,267	80,836,636,476
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	156,747,196,391	159,647,547,776
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	5,227,836,766	3,908,863,312
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	160,000,000	160,000,000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	3,356,319,000	3,356,319,000
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.11	171,000,000	7,590,000,000
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>4,422,000,000</b>	<b>4,422,000,000</b>
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		1,500,000,000	1,500,000,000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>237,727,083,689</b>	<b>232,532,138,143</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.16</b>	<b>237,727,083,689</b>	<b>232,532,138,143</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		200,000,000,000	200,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200,000,000,000	200,000,000,000
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		37,727,083,689	32,532,138,143
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		32,532,138,143	12,684,868,965
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		5,194,945,546	19,847,269,178
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>473,018,227,113</b>	<b>492,453,504,707</b>

Hà Nam, ngày 20 tháng 04 năm 2018

NGƯỜI LẬP

Dương Thị Thu Hiền

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Mạnh Tuyên



Nguyễn Huy Cường



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phú Lý, tỉnh Hà Nam

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 1 năm 2018

Mẫu số B02a-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	86,066,628,249	122,254,798,030	86,066,628,249	122,254,798,030
2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		86,066,628,249	122,254,798,030	86,066,628,249	122,254,798,030
3. Giá vốn hàng bán	11	6.3	76,889,832,994	111,481,078,671	76,889,832,994	111,481,078,671
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		9,176,795,255	10,773,719,359	9,176,795,255	10,773,719,359
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	11,303,023	2,011,767,829	11,303,023	2,011,767,829
6. Chi phí tài chính	22	6.5	75,487,479	487,432,500	75,487,479	487,432,500
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		75,487,479	487,432,500	75,487,479	487,432,500
7. Chi phí bán hàng	25		-	-	-	-
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	2,974,118,819	2,454,944,852	2,974,118,819	2,454,944,852
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6,138,491,980	9,843,109,836	6,138,491,980	9,843,109,836
10. Thu nhập khác	31	6.6	355,189,952	135,222,800	355,189,952	135,222,800
11. Chi phí khác	32		-	-	-	-
12. Lợi nhuận khác	40		355,189,952	135,222,800	355,189,952	135,222,800
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6,493,681,932	9,978,332,636	6,493,681,932	9,978,332,636
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	1,298,736,386	1,995,666,527	1,298,736,386	1,995,666,527
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		5,194,945,546	7,982,666,109	5,194,945,546	7,982,666,109
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		260	399	260	399
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)						

NGƯỜI LẬP



Dương Thị Thu Hiền

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Mạnh Tuyên

Hà Nam, ngày 20 tháng 04 năm 2018



Nguyễn Huy Cường



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

Mẫu số B03a-DN

Theo phương pháp trực tiếp

Quý 1/2018

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	100,168,716,327	185,135,252,247
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(114,546,302,272)	(76,277,105,716)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(1,742,107,492)	(1,744,099,494)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(75,487,479)	(487,432,500)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(20,000,000)	(2,020,000,000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	128,164,305	1,635,965,080
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(1,122,326,671)	(1,991,024,754)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(17,209,343,282)</b>	<b>104,251,554,863</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(122,400,000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	840,000,000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(4,500,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(15,632,000,000)	(28,000,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	11,303,023	11,767,829
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(14,780,696,977)</b>	<b>(32,610,632,171)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(7,419,000,000)	(74,168,000,000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(7,419,000,000)</b>	<b>(74,168,000,000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(39,409,040,259)</b>	<b>(2,527,077,308)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>85,877,561,267</b>	<b>14,628,366,819</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá	61		
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>46,468,521,008</b>	<b>12,101,289,511</b>

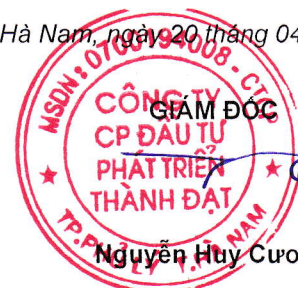
Hà Nam, ngày 20 tháng 04 năm 2018

NGƯỜI LẬP

Dương Thị Thu Hiền

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Mạnh Tuyên



Nguyễn Huy Cường

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC**

Quý 1 năm 2018

Mẫu số B09a-DN

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần số 0700194008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 07 tháng 5 năm 2001, được chuyển đổi từ công ty TNHH thành công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 13 ngày 27 tháng 11 năm 2015.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới nhất là 200.000.000.000 đồng (Hai trăm tỷ đồng).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:**

Hoạt động chính của Công ty là bán bê tông thương phẩm, xây dựng cơ bản và các dịch vụ khác.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Công ty áp dụng các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

Quý 1 năm 2018

Mẫu số B09a-DN

**3. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG**

**4.1. Ước tính kế toán**

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**4.3. Nợ phải thu**

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

Quý 1 năm 2018

Mẫu số B09a-DN

**4.4. Hàng tồn kho**

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

**4.5. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

***Tài sản cố định hữu hình***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty như sau:

- |                            |             |
|----------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc   | 19 năm      |
| - Máy móc thiết bị         | 02 - 08 năm |
| - Phương tiện vận tải      | 06 - 10 năm |
| - Thiết bị dụng cụ quản lý | 05 năm      |
| - Tài sản khác             | 02 - 05 năm |



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

Quý 1 năm 2018

Mẫu số B09a-DN

**4.6 Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- (i) Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- (ii) Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;

Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

***Chi tiết chính sách ghi nhận các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:***

***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo quy định kế toán hiện hành.

***Đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát nhưng chính sách này.

Công ty ghi nhận khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

**4.4. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ tài chính. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước khác.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm chi phí cấp quyền khai thác mỏ cát, giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

Quý 1 năm 2018

Mẫu số B09a-DN

**4.5. Nợ phải trả**

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;

**4.6. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

**4.7. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc kỳ tài chính. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**4.8. Vốn chủ sở hữu**

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Hội đồng Cổ đông Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá: tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá đều được phản ánh ngay vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí hoạt động tài chính (nếu lỗ).

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**4.9. Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

Quý 1 năm 2018

Mẫu số B09a-DN

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (iv) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.
- (v) Thu nhập khác là khoản thu được từ các hoạt động khác ngoài các hoạt động đã nêu trên.

**4.10. Thuế**

***Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):***

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là lĩnh vực xây lắp nên thuế suất thuế GTGT đối với các hoạt động của Công ty 10%.

***Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):***

Công ty phải nộp thuế TNDN với mức thuế suất là 20%

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

**4.11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**4.12. Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

Quý 1 năm 2018

Mẫu số B09a-DN

sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**4.13. Các bên liên quan**

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC "Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính" ban hành ngày 31/12/2007, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B09a - DN

Quý 1 năm 2018

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/03/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
Tiền mặt	6,792,343,892	3,383,747,727
Tiền gửi ngân hàng	1,136,011,204	1,827,073,592
Các khoản tương đương tiền	38,540,165,912	80,666,739,948
- Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN Hà Nam (i)	27,233,573,797	27,233,573,797
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nam (ii)	11,306,592,115	30,386,750,000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nam (iii)	-	23,046,416,151
<b>Cộng</b>	<b>46,468,521,008</b>	<b>85,877,561,267</b>

(i) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 001/2017/HĐTĐ.482.423.110 ngày 23/05/2017 ký với ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN Hà Nam, kỳ hạn 1 tháng, lãi suất 4,3%/năm, hình thức thanh toán: lãi nhập gốc, gốc và lãi tất toán 1 lần khi đến hạn mà không gia hạn hợp đồng.

(ii) Sổ tiết kiệm số 0700194008 ngày 11/09/2017 tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nam, kỳ hạn 3 tháng, lãi 5,1%, phương thức trả lãi: lãi nhập gốc.

(iii) Tài khoản tiền gửi có kỳ hạn số 217000063254 tại ngân hàng Công thương Việt Nam - CN Hà Nam, kỳ hạn 3 tháng, phương thức trả lãi: lãi nhập gốc.

**5.2 Phải thu khách hàng**

	31/03/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
<b>a) Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>115,443,622,599</b>	<b>123,277,969,198</b>
Phải thu khách hàng trong nước (chi tiết chiếm từ 10% trở lên trên tổng khoản phải thu)	54,094,084,818	56,070,953,519
- Ban QLDA Thanh Liêm - Hạ tầng xung quanh Bệnh viện Bạch Mai	2,581,638,000	7,281,638,000
- Ban QLDA Thanh Liêm - Cụm CN Kien Khê	21,000,000,000	21,000,000,000
- Ban QLDA Đầu tư Xây dựng Hà Nam - Lô CĐV	8,227,285,017	24,506,693,000
- Ban QLDAXD Phủ Lý- Cụm CN Kien Khê (Tôn Hoa Sen)	11,000,000,000	-
- Công ty TNHH MTV Hoa Sen- Móng nhà xưởng	11,285,161,801	3,282,622,519
Phải thu khách hàng khác	61,349,537,781	67,207,015,679
<b>Cộng</b>	<b>115,443,622,599</b>	<b>123,277,969,198</b>

**b) Phải thu khách hàng dài hạn**

c) Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan

**5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/03/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
- Công ty TNHH VTXD & TM Trường Giang Hà Nam	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Đông	1,500,000,000	6,500,000,000
- Công ty TNHH Phương Lâm	6,159,150,418	5,977,693,118
- Công ty TNHH Vận Tải Đức An	-	2,606,535,400
- Các công ty khác	11,921,772,664	6,846,933,332
<b>Cộng</b>	<b>19,580,923,082</b>	<b>21,931,161,850</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B09a - DN

Quý 1 năm 2018

**5.4 Phải thu khác và phải thu về cho vay**

	31/03/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>3,848,399,189</b>		<b>3,729,357,371</b>	
- Phải thu khác	3,680,921,152		3,729,357,371	
<i>Chi tiết:</i>				
+ Công ty Cổ phần Tư vấn Mô Địa Chất	-		-	
+ Đối tượng khác	193,854,485		74,812,667	
+ Lãi cho vay phải thu (ông Nguyễn Huy Cương)	3,487,066,667		3,487,066,667	
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	167,478,037		167,478,037	
<b>Cộng</b>	<b>3,848,399,189</b>		<b>3,729,357,371</b>	
<b>b) Dài hạn</b>				
<b>c) Phải thu khác là các bên liên quan:</b>				
+ Lãi cho vay phải thu (ông Nguyễn Huy Cương)	3,487,066,667		3,487,066,667	

**5.5 Hàng tồn kho**

	31/03/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	10,241,022,244		6,717,417,446	
Công cụ, dụng cụ	368,765,455		-	
Chi phí SXKD dở dang	153,990,542,172		141,365,639,789	
Thành phẩm nhập kho	42,747		26,063	
<b>Cộng</b>	<b>164,600,372,618</b>		<b>148,083,083,298</b>	

**5.6 Chi phí trả trước**

	31/03/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
	<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>311,815,979</b>
- Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	311,815,979	311,815,979
<b>b) Dài hạn</b>	<b>4,817,049,684</b>	<b>4,590,898,014</b>
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	145,069,364	145,069,364
- Chi phí trả trước dài hạn khác	356,218,183	356,218,183
- Chi phí cấp quyền khai thác cát	4,315,762,137	4,089,610,467
<b>Cộng</b>	<b>5,128,865,663</b>	<b>4,902,713,993</b>

**5.7 Tài sản dở dang dài hạn**



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Quý 1 năm 2018

**5.8 . NỢ XẤU**

Mẫu số B09a - DN

Đơn vị : VND

	3/31/2018		1/1/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc
			Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
<b>- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>1,182,449,840</b>	<b>-</b>	<b>(1,182,449,840)</b>	<b>1,182,449,840</b>
+ Ban GPMB BTHT và TĐC - Tái định cư khu vườn tổng xã Liêm Cần	5,931,500	-	(5,931,500)	5,931,500
+ Công ty CP Tasco Trường Phát	200,001,840	-	(200,001,840)	200,001,840
+ Công ty CP Xây dựng Thương mại Hà An	194,182,500	-	(194,182,500)	194,182,500
+ Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Lam Phương	512,020,000	-	(512,020,000)	512,020,000
+ Trường THPT Phỷ Lý B	103,454,000	-	(103,454,000)	103,454,000
+ UBND thị trấn Kiện Khê	41,676,000	-	(41,676,000)	41,676,000
+ Viện KSND tỉnh Hà Nam	125,184,000	-	(125,184,000)	125,184,000
<b>Cộng</b>	<b>1,182,449,840</b>	<b>-</b>	<b>(1,182,449,840)</b>	<b>1,182,449,840</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Quý 1 năm 2018

Mẫu số B09a - DN

**5.9 Các khoản đầu tư tài chính**

	31/03/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>66,880,000,000</b>	<b>(*)</b>	<b>51,248,000,000</b>	<b>(*)</b>
- Đầu tư vào Công ty con	-	-	-	-
- Đầu tư vào Công ty liên kết	66,880,000,000	(*)	51,248,000,000	(*)
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Đồng Văn III - chiếm tỷ lệ 46% (i)	47,348,000,000	(*)	47,348,000,000	(*)
+ Công ty Cổ phần Tân Cảng - Đồng Văn Hà Nam chiếm tỷ lệ 39% (ii)	19,532,000,000	(*)	3,900,000,000	(*)
<b>Cộng</b>	<b>66,880,000,000</b>	<b>(*)</b>	<b>51,248,000,000</b>	<b>(*)</b>

(i) Nghị quyết HĐQT số 01/2017/ĐTD/NQ-HĐQT ngày 15/01/2017 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt thông qua việc góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Đồng Văn III.

(ii) Nghị quyết HĐQT số 56/2017/ĐTD/NQ-HĐQT ngày 15/04/2017 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt thông qua việc góp vốn thành lập công ty Cổ phần Tân Cảng - Đồng Văn Hà Nam

**Tóm tắt tình hình hoạt động kinh doanh của công ty liên kết trong năm:**

- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Đồng Văn III hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực: Cho thuê cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp, cung cấp dịch vụ hạ tầng Khu công nghiệp.
- Công ty Cổ phần Tân Cảng - Đồng Văn Hà Nam hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực: kinh doanh vận tải đường bộ, dịch vụ hải quan, cước tàu nội địa, cước tàu quốc tế...

**Các giao dịch của yếu tố của Công ty với các công ty liên kết trong năm:**

Trong năm, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt thực hiện xây dựng cơ sở hạ tầng cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Đồng Văn III.

(\*) Xem thuyết minh Báo cáo tài chính số 8.1.iv - Giá trị hợp lý



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Quý 1 năm 2018

Mẫu số B09a - DN

**5.10 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	2,138,050,205	48,864,810,131	36,651,434,094	762,321,818	4,123,733,214	92,540,349,462
Tăng trong năm						
Giảm trong năm		(2,176,900,718)				(2,176,900,718)
- Giảm khác		(2,176,900,718)				(2,176,900,718)
Số dư cuối năm	2,138,050,205	46,687,909,413	36,651,434,094	762,321,818	4,123,733,214	90,363,448,744
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	876,407,974	19,633,347,223	15,452,094,572	432,464,364	4,072,518,997	40,466,833,130
Tăng trong năm	28,892,571	1,768,412,957	1,686,260,110	38,116,091	51,214,217	3,572,895,946
- Số khấu hao trong năm	28,892,571	1,768,412,957	1,686,260,110	38,116,091	51,214,217	3,572,895,946
Giảm trong năm		(1,692,090,670)				(1,692,090,670)
- Giảm khác		(1,692,090,670)				(1,692,090,670)
Số dư cuối năm	905,300,545	19,709,669,510	17,138,354,682	470,580,455	4,123,733,214	42,347,638,406
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1. Tại ngày đầu năm	1,261,642,231	29,231,462,908	21,199,339,522	329,857,454	51,214,217	52,073,516,332
2. Tại ngày cuối năm	1,232,749,660	26,978,239,904	19,513,079,412	291,741,363		48,015,810,338
Trong đó nguyên giá tài sản:						
	- Thẻ chấp, cầm cố:		4,811,031,854			VND
	- Đã khấu hao hết, đang sử dụng:		5,575,539,236			VND

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phù Lý, tỉnh Hà Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Quý 1 năm 2018

Mẫu số B09a - DN

**5.11 Vay và nợ thuê tài chính**

Đơn vị tính: VND

	31/03/2018	01/01/2018
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>171,000,000</b>	<b>171,000,000</b>
Vay ngân hàng VND	171,000,000	171,000,000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nam (1)	-	-
Ngân hàng NN và Phát triển NT - CN Thanh Liêm (2)	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương - CN Hà Nam (3)	171,000,000	171,000,000
<b>b) Vay dài hạn</b>	<b>1,500,000,000</b>	<b>1,500,000,000</b>
Ngân hàng NN và Phát triển NT - CN Thanh Liêm (2)	1,500,000,000	1,500,000,000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương - CN Hà Nam (3)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1,671,000,000</b>	<b>1,671,000,000</b>
	<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>7,419,000,000</b>	<b>7,419,000,000</b>
	<b>9,090,000,000</b>	<b>9,090,000,000</b>

Chi tiết các khoản vay như sau:

STT	Đối tượng	Số hợp đồng và ngày hợp đồng	Hạn mức	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
1	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nam	02/2017- HBTĐ/NHCT384- THANHDAT	15,000,000,000	3 tháng	6,8%/ năm cho kỳ đầu tiên.	Bổ sung vốn lưu động	Bảng tài sản của công ty và của bên thứ ba
2	Ngân hàng NN và Phát triển NT - CN Thanh Liêm	2901LAV/20150602 3 ngày 29/12/2015	3,000,000,000	48 tháng	9,6%/năm	Thanh toán tiền mua xe ô tô theo hợp đồng kinh tế số 2812-01/VIMID-TE/HĐKT/2015	Bảng tài sản của công ty và của bên thứ ba
3	Ngân hàng TMCP Ngoại thương - CN Hà Nam	143/2015/CVTL/HN A ngày 02/07/2015	2,020,000,000	36 tháng	7,22%/năm	Thanh toán một phần chi phí mua ô tô tài trợ để nhân hiệu Shacman	3 ô tô nhân hiệu Shacman BKS: 90C038.88; 90C-037.68; 90C-039.64



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B09a - DN

Quý 1 năm 2018

**5.12 Phải trả người bán**

	31/03/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>65,206,791,267</b>	<b>65,206,791,267</b>	<b>80,836,636,476</b>	<b>80,836,636,476</b>
Các khoản phải trả người bán chiếm từ 10% trở lên	39,668,370,242	39,668,370,242	49,689,313,443	49,689,313,443
- Công ty Cổ phần Thương mại Thành Nam	1,769,825,029	1,769,825,029	2,290,768,230	2,290,768,230
- Công ty Cổ phần Tư vấn Thăng Long	27,300,000,000	27,300,000,000	22,800,000,000	22,800,000,000
- Công ty TNHH VTXD&TM Trường Giang Hà Nam	5,395,798,000	5,395,798,000	15,395,798,000	15,395,798,000
- Công ty TNHH Xây dựng Phúc Huynh	5,202,747,213	5,202,747,213	9,202,747,213	9,202,747,213
Các khoản phải trả người bán khác	25,538,421,025	25,538,421,025	31,147,323,033	31,147,323,033
<b>Cộng</b>	<b>65,206,791,267</b>	<b>65,206,791,267</b>	<b>80,836,636,476</b>	<b>80,836,636,476</b>
<b>b) Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>				

**5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/03/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
- Cơ sở II Bệnh viện Bạch Mai - HTKT	45,897,600,000	45,897,600,000
- Cơ sở II Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức - HTKT	43,733,700,000	43,733,700,000
Các khoản người mua trả tiền trước khác	67,115,896,391	70,016,247,776
<b>Cộng</b>	<b>156,747,196,391</b>	<b>159,647,547,776</b>

**5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

a) Phải nộp	01/01/2018	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/Đã khấu trừ trong	31/03/2018
- Thuế GTGT	76,798,568	125,625,600	102,398,435	100,025,733
- Thuế TNDN	3,826,809,640	1,298,736,386	20,000,000	5,105,546,026
- Thuế TNCN	-	3,696,205	3,696,205	-
- Thuế Tài nguyên	5,255,104	39,043,640	22,033,737	22,265,007
- Các loại thuế khác	-	3,000,000	3,000,000	-
<b>Cộng</b>	<b>3,908,863,312</b>	<b>1,470,101,831</b>	<b>151,128,377</b>	<b>5,227,836,766</b>
<b>b) Phải thu</b>				
- Thuế GTGT nộp thừa	2,512,591,238	8,545,515,401	9,161,465,265	3,128,541,102
- Phí Bảo vệ tài nguyên môi trường	-	-	196,530,445	196,530,445
<b>Cộng</b>	<b>2,512,591,238</b>	<b>8,545,515,401</b>	<b>9,357,995,710</b>	<b>3,325,071,547</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**5.15 Chi phí phải trả**

	31/03/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>160,000,000</b>	<b>160,000,000</b>
- Trích trước chi phí kiểm toán	160,000,000	160,000,000
<b>Cộng</b>	<b>160,000,000</b>	<b>160,000,000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B09a - DN

Quý 1 năm 2018

**5.16 Các khoản phải trả khác**

	31/03/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	3,356,319,000	3,356,319,000
<b>Cộng</b>	<b>3,356,319,000</b>	<b>3,356,319,000</b>
b) Dài hạn		
- Phải trả dài hạn khác	2,922,000,000	2,922,000,000
<i>Công ty Cổ phần Cát Đại Lợi (*)</i>	<i>2,922,000,000</i>	<i>2,922,000,000</i>
<b>Cộng</b>	<b>2,922,000,000</b>	<b>2,922,000,000</b>

**5.16 Vốn chủ sở hữu**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	200,000,000,000		<b>18,684,868,965</b>	<b>218,684,868,965</b>
Tăng vốn trong năm trước	-			-
Lãi trong năm trước			19,847,269,178	19,847,269,178
Tăng khác				-
Giảm vốn trong năm trước				-
Giảm khác			(6,000,000,000)	(6,000,000,000)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>200,000,000,000</b>		<b>32,532,138,143</b>	<b>232,532,138,143</b>
Tăng vốn trong năm				-
Lãi trong năm			5,194,945,546	5,194,945,546
Tăng khác				-
Giảm vốn trong năm				-
Phân phối lợi nhuận			-	-
Lỗ trong năm				-
Giảm khác			-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>200,000,000,000</b>		<b>37,727,083,689</b>	<b>237,727,083,689</b>

**Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	31/03/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
Vốn góp của các đối tượng khác	200,000,000,000	200,000,000,000
<b>Cộng</b>	<b>200,000,000,000</b>	<b>200,000,000,000</b>

**b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018 (VND)	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017 (VND)
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
- Vốn góp đầu năm	200,000,000,000	200,000,000,000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm		
- Vốn góp cuối năm	200,000,000,000	200,000,000,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	6,000,000,000
<b>Cổ phiếu</b>	<b>31/03/2018 (VND)</b>	<b>01/01/2018 (VND)</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>20,000,000</b>	<b>20,000,000</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>20,000,000</b>	<b>20,000,000</b>
- Cổ phiếu phổ thông	20,000,000	20,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi		
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>20,000,000</b>	<b>20,000,000</b>
- Cổ phiếu phổ thông	20,000,000	20,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi		

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B09a - DN

Quý 1 năm 2018

Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018 (VND)	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế	5,194,945,546	7,982,666,109
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu		
Cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	20,000,000	20,000,000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>260</b>	<b>399</b>

*Các quỹ của doanh nghiệp*

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

6.1 Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018 (VND)	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017 (VND)
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
- Doanh thu bán bê tông	2,003,099,088	16,832,878,618
- Doanh thu xây lắp	82,204,410,256	101,424,229,903
- Doanh thu bán hàng hóa khác	1,859,118,905	3,997,689,509
<b>Cộng</b>	<b>86,066,628,249</b>	<b>122,254,798,030</b>
<b>Doanh thu các bên liên quan</b>	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng KCN Đồng Văn III	-	-
6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu		
6.3 Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018 (VND)	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017 (VND)
- Giá vốn bán bê tông	1,789,520,020	15,486,248,329
- Giá vốn xây lắp	73,439,421,348	93,310,291,510
- Giá vốn dịch vụ khác	1,660,891,626	450,706,712
<b>Cộng</b>	<b>76,889,832,994</b>	<b>111,481,078,671</b>
6.4 Doanh thu hoạt động tài chính	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018 (VND)	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017 (VND)
Lãi tiền gửi, cho vay	11,303,023	2,011,767,829
<b>Cộng</b>	<b>11,303,023</b>	<b>2,011,767,829</b>
6.5 Chi phí tài chính	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018 (VND)	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017 (VND)
Lãi tiền vay	75,487,479	487,432,500
<b>Cộng</b>	<b>75,487,479</b>	<b>487,432,500</b>
6.6 Thu nhập khác	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018 (VND)	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017 (VND)
Lãi từ hoạt động thanh lý tài sản cố định	355,189,952	-
- Giá trị còn lại	484,810,048	-
- Thu nhập khác từ việc thanh lý tài sản cố định	840,000,000	-
Các khoản chi phí khác	-	135,222,800
<b>Cộng</b>	<b>355,189,952</b>	<b>135,222,800</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B09a - DN

Quý 1 năm 2018

**6.7 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018 (VND)	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017 (VND)
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp:</b>	<b>2,974,118,819</b>	<b>2,454,944,852</b>
Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí quản lý doanh nghiệp	693,772,679	547,323,299
<i>Chi phí khấu hao tài sản cố định</i>	118,222,879	282,593,038
<i>Chi phí nhân công</i>	575,549,800	264,730,262
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2,280,346,140	1,907,621,553
<b>Cộng</b>	<b>2,974,118,819</b>	<b>2,454,944,852</b>

**6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018 (VND)	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017 (VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	48,529,908,458	54,772,963,003
Chi phí nhân công	14,696,162,512	19,879,626,285
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3,572,895,946	3,493,387,419
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18,782,194,780	8,608,880,847
Chi phí bằng tiền khác	8,076,776,037	2,524,339,867
<b>Cộng</b>	<b>93,657,937,733</b>	<b>89,279,197,421</b>

**6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018 (VND)	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017 (VND)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6,493,681,932	9,978,332,636
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-
+ <i>Chi phí không được trừ</i>	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-
+ <i>Lãi cổ tức được chia trong năm</i>	-	-
Thu nhập chịu thuế	6,493,681,932	9,978,332,636
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>1,298,736,386</b>	<b>1,995,666,527</b>

**7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****8.1 Công cụ tài chính**

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng công cụ tài chính:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:



Quý 1 năm 2018

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

*Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

*Rủi ro về ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

*Phải thu khách hàng*

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

*Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****Mẫu số B09a - DN**

Quý 1 năm 2018

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 năm trở lên</u>	<u>Tổng cộng</u>
<b>Ngày 31/03/2018</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	46,468,521,008		46,468,521,008
Phải thu khách hàng	115,443,622,599		115,443,622,599
Đầu tư	-	66,880,000,000	66,880,000,000
Phải thu khác	3,848,399,189	-	3,848,399,189
Tài sản tài chính khác	-	-	-
<b>Trừ:</b>			
Dự phòng phải thu khó đòi	(1,182,449,840)	-	(1,182,449,840)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>164,578,092,956</b>	<b>66,880,000,000</b>	<b>231,458,092,956</b>
Các khoản vay và nợ	171,000,000	1,500,000,000	1,671,000,000
Phải trả người bán	65,206,791,267		65,206,791,267
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	3,516,319,000	2,922,000,000	6,438,319,000
<b>Tổng cộng</b>	<b>68,894,110,267</b>	<b>4,422,000,000</b>	<b>73,316,110,267</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>95,683,982,689</b>	<b>62,458,000,000</b>	<b>158,141,982,689</b>
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 năm trở lên</u>	<u>Tổng cộng</u>
<b>Ngày 01/01/2018</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	85,877,561,267		85,877,561,267
Phải thu khách hàng	123,277,969,198		123,277,969,198
Đầu tư		51,248,000,000	51,248,000,000
Phải thu khác	3,729,357,371	-	3,729,357,371
Tài sản tài chính khác	-	-	-
<b>Trừ:</b>			
Dự phòng phải thu khó đòi	(1,182,449,840)		(1,182,449,840)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>211,702,437,996</b>	<b>51,248,000,000</b>	<b>262,950,437,996</b>
Các khoản vay và nợ	7,590,000,000	1,500,000,000	9,090,000,000
Phải trả người bán	80,836,636,476		80,836,636,476
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	3,516,319,000	2,922,000,000	6,438,319,000
<b>Tổng cộng</b>	<b>91,942,955,476</b>	<b>4,422,000,000</b>	<b>96,364,955,476</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>119,759,482,520</b>	<b>46,826,000,000</b>	<b>166,585,482,520</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Quý 1 năm 2018

Mẫu số B09a - DN

**(iv) Giá trị hợp lý**

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	Giá trị ghi sổ		Đơn vị tính: VND
	31/03/2018	01/01/2018	
<b>Tài sản tài chính</b>			
Các khoản đầu tư	66,880,000,000	51,248,000,000	(*)
Phải thu khách hàng và phải thu khác	118,109,571,948	127,007,326,569	118,109,571,948
Tài sản tài chính khác			127,007,326,569
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán			
Tiền và các khoản tương đương tiền	46,468,521,008	85,877,561,267	46,468,521,008
<b>Tổng cộng</b>	<b>231,458,092,956</b>	<b>264,132,887,836</b>	<b>(*)</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>			
Nợ phải trả tài chính			
Vay và nợ	1,671,000,000	9,090,000,000	1,671,000,000
Phải trả người bán	65,206,791,267	80,836,636,476	65,206,791,267
Phải trả khác	3,516,319,000	3,516,319,000	3,516,319,000
<b>Tổng cộng</b>	<b>70,394,110,267</b>	<b>93,442,955,476</b>	<b>70,394,110,267</b>

(\*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này để thuyết minh theo quy định tại Điều 28 Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này cho mục đích thuyết minh.

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/03/2018 và ngày 01/01/2018. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B09a - DN

Quý 1 năm 2018

**8.2 Báo cáo bộ phận****8.3 Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác****8.4 Các sự kiện quan trọng phát sinh trong niên độ**

Nghị quyết HĐQT số 10/2018/DTD/NQ-HĐQT ngày 12/03/2018 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt thông qua việc thành lập Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển và Thương mại Thành Đạt là công ty con, vốn điều lệ 26.000.000.000 VND, tỷ lệ vốn góp 100% vốn điều lệ.

**8.5 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm****8.6 Thông tin về các bên liên quan**Các bên liên quan:

Trong năm tài chính và tại ngày kết thúc năm tài chính, bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

Bên liên quan	Địa điểm	Quan hệ
Ông Nguyễn Huy Cương	Hà Nam	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc

Lương và thù lao chi trả trong năm cho các thành viên Ban Giám đốc và Kế toán trưởng:

Họ và tên	Chức vụ	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018 (VND)
Ông Nguyễn Huy Cương	Giám đốc	44,982,692
Ông Nguyễn Mạnh Tuyển	Phó giám đốc kiêm Kế toán trưởng	37,100,769
Ông Trần Việt Đức	Phó Giám đốc	22,153,846



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B09a - DN

Quý 1 năm 2018

**8.7 Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

**8.8 Thông tin về hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

**8.9 Những thông tin khác**

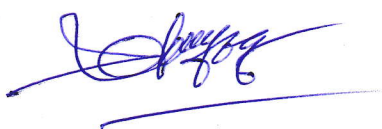
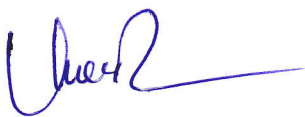
Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong năm Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hà Nam, ngày 20 tháng 04 năm 2018

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC



Dương Thị Thu Hiền

Nguyễn Mạnh Tuyền

Nguyễn Huy Cường